

Số: 69 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 08 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phân bổ gạo hỗ trợ cho học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ (Học kỳ II năm học 2024 - 2025)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ về Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/QĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 78/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Bình Định về quy định điều kiện học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định được hưởng chính sách hỗ trợ và mức khoán kinh phí hỗ trợ nấu ăn cho học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 78/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Bình Định về quy định điều kiện học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định được hưởng chính sách hỗ trợ và mức khoán kinh phí hỗ trợ nấu ăn cho học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 15777/BTC-TCDT ngày 04/11/2016 của Bộ Tài chính về thực hiện hỗ trợ gạo dự trữ quốc gia cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 24/TTr-SGDĐT ngày 03/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ gạo hỗ trợ cho học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ (học kỳ II năm học 2024-2025); cụ thể như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ: Học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.

2. Mức hỗ trợ: 15kg gạo/01 tháng/học sinh.

3. Thời gian hỗ trợ: 05 tháng của học kỳ II năm học 2024-2025 (từ tháng 01/2025 đến tháng 05/2025).

4. Tổng số học sinh được hỗ trợ: 1.518 học sinh; trong đó:

+ 850 học sinh bán trú đang học trong trường phổ thông dân tộc bán trú;

+ 46 học sinh tiểu học, trung học cơ sở mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi đang học tại trường tiểu học, trường THCS đóng trên địa bàn thuộc khu vực III;

+ 622 học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số (hoặc học sinh người Kinh) mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu tại các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo đang học tại trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông tại trường phổ thông có nhiều cấp học; trong đó học sinh là người dân tộc thiểu số: 621 học sinh.

5. Tổng số gạo được hỗ trợ: 113,13 tấn (sau khi trừ số gạo còn lại của học kỳ I năm học 2024-2025 tại các đơn vị chuyển sang: 0,72 tấn gạo)

(Chi tiết theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02 đính kèm)

6. Địa điểm giao nhận gạo hỗ trợ: Tại trung tâm các huyện, thị xã, thành phố.

7. Thời gian thực hiện: Theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo: Là cơ quan đầu mối; chủ trì, phối hợp với Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghĩa Bình, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện việc giao nhận gạo hỗ trợ cho học sinh theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; thường xuyên theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện cho Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan liên quan.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị được nhận gạo: Căn cứ Quyết định này, tổ chức thực hiện việc tiếp nhận và cấp đúng đối tượng, cấp đủ số lượng gạo theo quy định hiện hành của Nhà nước; bố trí kinh phí bốc xếp gạo từ phương tiện vận chuyển tại trung tâm huyện, thị xã, thành phố (tiếp nhận từ Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghĩa Bình) và vận chuyển gạo đến các địa điểm để cấp phát cho các đối tượng được hỗ trợ.

Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện việc nhận, cấp phát gạo hỗ trợ; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng thất thoát, lãng phí, tiêu cực, gây phiền hà cho các đơn vị, cá nhân được nhận gạo hỗ trợ.

3. Sở Tài chính: Có trách nhiệm phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện cấp phát gạo hỗ trợ cho học sinh theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Đề nghị Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghĩa Bình: Phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh thực hiện việc giao nhận gạo hỗ trợ theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Lao động, Thương binh và Xã hội; Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghĩa Bình; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TC, Bộ GD&ĐT (b/cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, PCT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K9.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC 01

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ GẠO DỰ TRỮ QUỐC GIA THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP

Thời gian hỗ trợ: 5 tháng của học kỳ II năm học 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

[illegible]

Số thứ tự	Đơn vị	Trường thuộc khu vực (hoặc ĐBKK vùng bãi ngang)	Tổng số học sinh thụ hưởng	Học sinh bán trú đang học tại trường phổ thông dân tộc bán trú		Học sinh tiểu học (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã, thôn ĐBKK và học trường thuộc xã khu vực III)		Học sinh THCS (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã, thôn ĐBKK và học trường thuộc xã khu vực III)		Học sinh tiểu học (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn ĐBKK và học trường thuộc xã khu vực II)		Học sinh THCS (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn và học trường thuộc xã khu vực II)		Học sinh THPT là người dân tộc thiểu số (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, các xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển), nếu người Kinh phải thuộc hộ nghèo		Học sinh THPT là người dân tộc thiểu số (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, các xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển), nếu người Kinh phải thuộc hộ nghèo	
				Chia ra		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo dân tộc	
				Học sinh tiểu học	Học sinh THCS	4 Km trở lên	1 Km trở lên	7 Km trở lên	1,5 Km trở lên	4 Km trở lên	1 Km trở lên	7 Km trở lên	1,5 Km trở lên	10 Km trở lên	2 Km trở lên	Dân tộc thiểu số	Dân tộc Kinh
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Trường PTDTBT Canh Liên		92		92												
2	Trường THCS bán trú Canh Thuận		75		75												
B	TR. THPT THUỘC SỞ QUẢN LÝ		622	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	622	0	621	1
I	Huyện Tuy Phước		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Trường THPT số 1 Tuy Phước		0											0			0
II	Huyện Tây Sơn		12	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12	0	12	0
1	Trường THPT Quang Trung		1											1		1	
2	Trường THPT Nguyễn Huệ		11											11		11	
III	Huyện Hoài Ân		67	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	67	0	67	0
1	Trường THPT Trần Quang Diệu		67											67		67	
IV	Huyện An Lão		137	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	137	0	137	0
1	Tr. PTDTNT THCS&THPT An Lão		137											137		137	
V	Huyện Vĩnh Thạnh		258	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	258	0	257	1
1	Trường THPT Vĩnh Thạnh		1											1		0	1
2	Tr.PTDTNT THCS & THPT Vĩnh Thạnh		257											257		257	
VI	Huyện Vân Canh		148	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	148	0	148	0
1	Tr.PTDTNT THCS&THPT Vân Canh		148											148		148	

PHỤ LỤC 02

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH HỖ TRỢ GẠO DỰ TRÙ QUỐC GIA CHO HỌC SINH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP

Thời gian hỗ trợ: 5 tháng của học kỳ II năm học 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

Số thứ tự	Đơn vị	Trường thuộc khu vực	Tổng số học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ gạo học kỳ II năm học 2024- 2025	Định mức hỗ trợ giáo (tấn/học sinh/tháng)	Số tháng đề nghị hỗ trợ của học kỳ II năm học 2024- 2025	Nhu cầu gạo đề nghị đề hỗ trợ của học kỳ II năm học 2024- 2025 (1.000 kg)	Số lượng gạo còn thừa chưa cấp phát đến học sinh của học kỳ I năm học 2024-2025 (1.000 kg)	Nhu cầu gạo đề nghị được hỗ trợ của học kỳ II năm học 2024-2025 sau khi giảm trừ số gạo còn thừa học kỳ I năm học 2024- 2025 (1.000 kg)	Số lượng gạo cấp phát học kỳ II năm học 2024- 2025 (1.000 kg)	Số lượng gạo còn thiếu bổ sung cho học kỳ sau của năm học 2024- 2025 (1.000kg)
	A	I	2	3	4	5	6	7=5-6	8	9=7-8
	TỔNG CỘNG (A+B)		1.518			113,850	0,720	113,130	113,130	0,000
A	PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		896			67,200	2,640	64,560	64,560	
I	Phòng GD và ĐT Tây Sơn		68			5,100	0,120	4,980	4,980	
1	Trường PTDTBT Tây Sơn		68	0,015	5	5,100	0,120	4,980	4,980	
II	Phòng GD và ĐT An Lão		342			25,650	0,780	24,870	24,870	
1	Trường PTDTBT An Lão		198	0,015	5	14,850	0,480	14,370	14,370	
2	Trường PTDTBT Đinh Ruối		112	0,015	5	8,400	0,300	8,100	8,100	
3	Trường tiểu học An Trung	III	0	0,015	5	0,000		0,000	0,000	
4	Trường tiểu học An Nghĩa	III	32	0,015	5	2,400		2,400	2,400	
III	Phòng GD và ĐT Vĩnh Thạnh		319			23,925	0,960	22,965	22,965	
1	Trường PTDTBT THCS Vĩnh Sơn		177	0,015	5	13,275	0,960	12,315	12,315	
2	Tr. PTDTBT TH & THCS Vĩnh Kim		128	0,015	5	9,600		9,600	9,600	
3	Trường THCS Vĩnh Hiệp	III	14	0,015	5	1,050		1,050	1,050	
IV	Phòng GD và ĐT Vân Canh		167			12,525	0,780	11,745	11,745	
1	Trường PTDTBT Canh Liên		92	0,015	5	6,900	0,180	6,720	6,720	
2	Trường THCS bán trú Canh Thuận		75	0,015	5	5,625	0,600	5,025	5,025	
B	TR. THPT THUỘC SỞ QUẢN LÝ		622			46,650	-1,920	48,570	48,570	
I	Huyện Tuy Phước		0			0,000	0,000	0,000	0,000	
1	Trường THPT số 1 Tuy Phước		0	0,015	5	0,000		0,000	0,000	
II	Huyện Tây Sơn		12			0,900	0,000	0,900	0,900	
1	Trường THPT Quang Trung		1	0,015	5	0,075		0,075	0,075	
2	Trường THPT Nguyễn Huệ		11	0,015	5	0,825		0,825	0,825	
III	Huyện Hoài Ân		67			5,025	0,180	4,845	4,845	
1	Trường THPT Trần Quang Diệu		67	0,015	5	5,025	0,180	4,845	4,845	
IV	Huyện An Lão		137			10,275	-0,300	10,575	10,575	
1	Tr. PTDTNT THCS&THPT An Lão		137	0,015	5	10,275	-0,300	10,575	10,575	
V	Huyện Vĩnh Thạnh		258			19,350	-0,660	20,010	20,010	
1	Trường THPT Vĩnh Thạnh		1	0,015	5	0,075		0,075	0,075	
2	Tr.PTDTNT THCS & THPT Vĩnh Thạnh		257	0,015	5	19,275	-0,660	19,935	19,935	
VI	Huyện Vân Canh		148			11,100	-1,140	12,240	12,240	
1	Tr.PTDTNT THCS&THPT Vân Canh		148	0,015	5	11,100	-1,140	12,240	12,240	